

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các Công ty con (Công ty mẹ và các Công ty con sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tập đoàn trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Nguyên Học	Chủ tịch
Ông Lê Đình Bửu Trí	Phó chủ tịch
Bà Phạm Thị Việt Nga	Thành viên
Ông Đoàn Đình Duy Khương	Thành viên
Bà Đặng Phạm Minh Loan	Thành viên (miễn nhiệm ngày 20 tháng 7 năm 2016)
Ông Trần Chí Liêm	Thành viên
Ông Shuhei Tabata	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Trần Quốc Hưng	Trưởng ban
Bà Nguyễn Phương Thảo	Thành viên
Ông Đinh Đức Minh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Phạm Thị Việt Nga	Tổng Giám đốc
Ông Lê Chánh Đạo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Đình Duy Khương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Ngọc Diệp	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

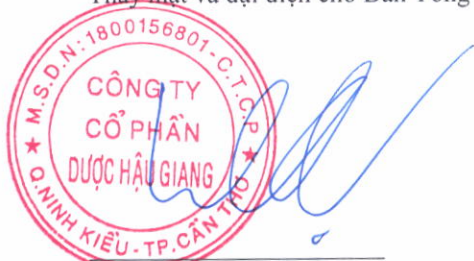


BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Chánh Đạo
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2016

500-
NHÀ
NG
NHIỆM
LỢI
ỆT N
TP. H

Số: 113 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các Công ty con (Công ty mẹ và các Công ty con sau đây gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2016, từ trang 4 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi một doanh nghiệp kiểm toán khác, với báo cáo kiểm toán độc lập phát hành ngày 12 tháng 3 năm 2016 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Ngoài ra, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được soát xét bởi một doanh nghiệp kiểm toán khác, với báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2015 đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.



Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU B 01a-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.348.876.142.895	2.221.373.030.144
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	272.453.819.831	420.712.811.918
1. Tiền	111		92.984.633.299	89.510.544.052
2. Các khoản tương đương tiền	112		179.469.186.532	331.202.267.866
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	834.655.100.000	507.605.100.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		834.655.100.000	507.605.100.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		539.155.272.047	644.064.122.343
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	435.026.582.177	570.830.701.600
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		52.135.751.777	23.308.107.672
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		36.705.325.633	37.688.828.113
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	27.543.659.717	23.223.854.477
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(12.256.047.257)	(10.987.369.519)
IV. Hàng tồn kho	140	9	688.304.282.564	639.320.555.977
1. Hàng tồn kho	141		690.073.650.736	642.331.928.161
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.769.368.172)	(3.011.372.184)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.307.668.453	9.670.439.906
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	6.284.868.385	3.968.455.036
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.517.307.489	4.327.687.627
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	2.505.492.579	1.374.297.243
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.145.091.715.022	1.141.825.629.796
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		14.005.277.144	-
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	12	14.005.277.144	-
II. Tài sản cố định	220		1.055.693.843.904	1.067.774.140.547
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	791.157.790.675	811.356.338.576
- Nguyên giá	222		1.276.556.672.708	1.252.111.595.162
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(485.398.882.033)	(440.755.256.586)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	264.536.053.229	256.417.801.971
- Nguyên giá	228		284.512.652.922	273.969.773.238
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(19.976.599.693)	(17.551.971.267)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		22.770.058.478	15.722.551.016
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	22.770.058.478	15.722.551.016
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	15.475.731.783	15.932.055.542
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.067.561.583	4.523.885.342
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		27.908.170.200	27.908.170.200
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(16.500.000.000)	(16.500.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		37.146.803.713	42.396.882.691
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	18.798.160.475	28.312.322.417
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	18.348.643.238	14.084.560.274
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3.493.967.857.917	3.363.198.659.940

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MÃU B 01a-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016		31/12/2015	
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.041.767.691.123		841.962.632.700	
I. Nợ ngắn hạn	310		982.389.247.051		779.632.287.905	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	223.461.737.265		224.957.469.694	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11.748.320.710		7.079.129.950	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	20.934.362.058		13.343.506.157	
4. Phải trả người lao động	314		85.582.404.213		128.045.082.047	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	80.293.761.335		21.683.931.132	
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		31.625.656.349		7.747.880.222	
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	12.248.457.093		15.300.462.313	
8. Vay ngắn hạn	320	21	386.511.706.114		270.711.206.737	
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	129.982.841.914		90.763.619.653	
II. Nợ dài hạn	330		59.378.444.072		62.330.344.795	
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	31.345.820.805		31.323.948.748	
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	24	28.032.623.267		31.006.396.047	
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.452.200.166.794		2.521.236.027.240	
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.452.200.166.794		2.521.236.027.240	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	25	871.643.300.000		871.643.300.000	
2. Cổ phiếu quỹ	415	25	(16.121.030.000)		(16.121.030.000)	
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	25	1.220.561.708.767		1.039.479.185.578	
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	25	357.046.913.218		605.911.345.691	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		50.993.468.583		164.434.562.794	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		306.053.444.635		441.476.782.897	
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	26	19.069.274.809		20.323.225.971	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3.493.967.857.917		3.363.198.659.940	

Trần Ngọc Hiền

Trần Ngọc Hiền
Người lập biểu

Hồ Bửu Huân

Hồ Bửu Huân
Phụ trách kế toán



Lê Chánh Đạo

Lê Chánh Đạo
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU B 02a-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016	30/6/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	1.839.917.223.193	1.639.635.234.695
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	148.781.538.355	171.714.459.367
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	29	1.691.135.684.838	1.467.920.775.328
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	935.115.750.023	852.745.864.248
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		756.019.934.815	615.174.911.080
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	27.551.548.396	13.530.318.020
7. Chi phí tài chính	22	33	39.203.108.678	37.508.429.283
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.598.598.698	3.856.327.259
8. Phần lỗ trong công ty liên kết	24	5	(456.323.759)	-
9. Chi phí bán hàng	25	34	287.888.783.155	200.203.709.808
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	130.684.526.502	116.309.947.424
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=(20+(21-22)+24-(25+26))	30		325.338.741.117	274.683.142.585
12. Thu nhập khác	31	35	25.138.405.028	43.205.994.791
13. Chi phí khác	32	36	11.926.951.150	2.665.460.302
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		13.211.453.878	40.540.534.489
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		338.550.194.995	315.223.677.074
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	37	35.651.618.938	53.278.898.096
17. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	37	(4.264.082.965)	242.799.526
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		307.162.659.022	261.701.979.452
Phân bổ cho:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		306.053.444.635	260.654.164.145
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	26	1.109.214.387	1.047.815.307
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	70	38	3.168	2.692


Trần Ngọc Hiền
Người lập biểu

Hồ Bửu Huân
Phụ trách kế toán

Lê Chánh Đạo
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ




Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU B 03a-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
		30/6/2016	30/6/2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	338.550.194.995	315.223.677.074
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	47.470.211.142	47.552.729.844
Các khoản dự phòng	03	48.545.783	318.243.532
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(29.837.508.023)	(13.227.122.404)
Chi phí lãi vay	06	5.598.598.698	3.856.327.259
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	361.830.042.595	353.723.855.305
Giảm các khoản phải thu	09	107.568.623.376	327.230.506.110
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(47.740.327.575)	61.098.645.096
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	38.737.698.921	(416.784.400.740)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	424.303.910	(4.827.239.644)
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.395.198.556)	(4.029.269.490)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(26.855.480.493)	(125.473.007.350)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(29.985.977.135)	(23.252.626.054)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	398.583.685.043	167.686.463.233
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(43.166.443.242)	(86.935.078.989)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	7.696.809.375	10.112.190.910
3. Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	23	(833.900.163.593)	(49.848.333.333)
4. Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	24	493.828.388.929	-
5. Thu lãi tiền gửi	27	18.420.057.024	14.961.686.964
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(357.121.351.507)	(111.709.534.448)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	633.486.276.089	837.956.645.140
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(517.685.776.712)	(748.603.724.370)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(305.521.825.000)	(261.781.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(189.721.325.623)	(172.428.179.230)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(148.258.992.087)	(116.451.250.445)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	420.712.811.918	596.956.754.030
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	272.453.819.831	480.505.503.585

Giao dịch trọng yếu không bằng tiền cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được trình bày tại Thuyết minh số 41.

Trần Ngọc Hiền
 Người lập biểu

Hồ Bửu Huân
 Phụ trách kế toán

Lê Chánh Đạo
 Phó Tổng Giám đốc
 Ngày 12 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG

288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
 Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Ngày 02 tháng 9 năm 2014, Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (gọi tắt là “Công ty”) chính thức đi vào hoạt động theo Quyết định số 2405/QĐ-CT.UB ngày 05 tháng 8 năm 2004 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Cần Thơ về việc chuyển đổi Xí nghiệp Liên hợp Dược Hậu Giang Thành phố Cần Thơ thành Tập đoàn cổ phần hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5703000111 ngày 15 tháng 9 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp với vốn điều lệ ban đầu là 80.000.000.000 đồng.

Trong năm 2014, Công ty tăng vốn cổ phần lên 871.643.300.000 đồng. Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 20 ngày 06 tháng 5 năm 2015 cho việc gia tăng vốn điều chỉnh lần thứ 21 ngày 29 tháng 10 năm 2015 cho việc bổ sung ngành nghề kinh doanh sản xuất và bán nước tinh khiết đóng chai.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 01 tháng 12 năm 2006 theo Giấy phép niêm yết cổ phiếu số 93/UBCK-GPNY của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, với mã chứng khoán là DHG.

Cổ đông lớn nhất của Công ty là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (“SCIC”), sở hữu 43,31% vốn cổ phần của Công ty. SCIC được kiểm soát bởi Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 2.850 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 2.877).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty và các Công ty con là sản xuất, kinh doanh dược phẩm và cung ứng dịch vụ du lịch.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty và các Công ty con là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm; cung ứng dịch vụ du lịch.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, các công ty con và Công ty liên kết của Công ty bao gồm:

Tên	Hoạt động chính	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ	
			30/6/2016	31/12/2015
Công ty con				
Công ty TNHH MTV Du lịch DHG	Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Số 5704000134 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 26 tháng 12 năm 2007	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Sản xuất và kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 642041000005 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Hậu Giang cấp ngày 16 tháng 8 năm 2010	100%	100%
Công ty TNHH MTV Bao bì DHG 1	Sản xuất giấy nhàn, bì nhàn, bao bì từ giấy bà bì; Sản xuất kinh doanh bao bì nhựa, nhôm, giấy; In xuất bản phẩm	Số 642041000007 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Hậu Giang cấp ngày 28 tháng 9 năm 2012	100%	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ*

Tên	Hoạt động chính	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ	
			30/6/2016	31/12/2015
Công ty con (Tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 6403000044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 20 tháng 7 năm 2007	51%	51%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm CM	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 6104000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 08 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5904000064 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 11 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5604000048 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 16 tháng 5 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV DT Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5104000057 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 28 tháng 8 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV TOT Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1801113085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp ngày 25 tháng 02 năm 2009	100%	100%
Công ty TNHH MTV TG Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1200975943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25 tháng 02 năm 2009	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm A&G Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1601171629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 17 tháng 6 năm 2009	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Bali	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1900455594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 29 tháng 3 năm 2011	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm B&T	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1300917335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 05 tháng 10 năm 2012	100%	100%
Công ty TNHH MTV TVP Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 2100510569 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp ngày 19 tháng 10 năm 2012	100%	100%
Công ty TNHH MTV VL Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1500971019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp ngày 19 tháng 12 năm 2012	100%	100%
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hào	Sản xuất và kinh doanh Tảo Spirulina	Số 4803000150 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp ngày 04 tháng 02 năm 2008	31,36%	31,36%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn kéo dài không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ hoạt động cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 hàng kỳ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ*

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền đang chuyển, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo, với mục đích thu lãi hàng kỳ. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG

288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
 Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá được lập khi công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc đã dự đoán từ khi đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	3 - 50
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải	3 - 20
Thiết bị văn phòng	3 - 10

Các khoản lãi lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 8 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí nâng cấp tài sản thuê, chi phí thuê đất trả trước, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các chi phí trả trước khác được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tập đoàn có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

1500
NH
NG
CHIÊM
LỢI
T N
TP. H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Dự phòng cho các khoản chi phí thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng

Theo yêu cầu của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tập đoàn lập dự phòng cho các khoản chi phí thu dọn và khôi phục phát sinh khi hoàn trả mặt bằng đi thuê. Số dự phòng được xác định căn cứ vào tổng ước tính chi phí thu dọn và khôi phục mặt bằng sẽ phát sinh khi hoàn trả mặt bằng trong tương lai và được ghi nhận đều qua suốt thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến khi hoàn trả mặt bằng.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống. Tập đoàn ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tập đoàn sẽ phải thực hiện trong tương lai.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tập đoàn có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ***Chương trình dành cho khách hàng truyền thống**

Doanh thu được ghi nhận là tổng số tiền phải thu hoặc đã thu trừ đi giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua. Giá trị của hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Nếu hết thời hạn của chương trình mà người mua không đạt đủ điều kiện theo quy định và không được hưởng hàng hóa dịch vụ miễn phí hoặc chiết khấu giảm giá, khoản doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.

Khi người mua đạt được các điều kiện theo quy định của chương trình, trường hợp Tập đoàn trực tiếp cung cấp hàng hóa, dịch vụ miễn phí hoặc chiết khấu, giảm giá cho người mua: Khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với giá trị hợp lý của số hàng hóa, dịch vụ cung cấp miễn phí hoặc số phải giảm giá, chiết khấu cho người mua được ghi nhận là doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ khi người mua đã nhận được hàng hóa, dịch vụ miễn phí hoặc được chiết khấu, giảm giá theo quy định của chương trình.

Khi người mua đạt được các điều kiện theo quy định của chương trình, trường hợp bên thứ ba có nghĩa vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ miễn phí hoặc chiết khấu, giảm giá cho người mua: Nếu hợp đồng giữa Tập đoàn và bên thứ ba đó không mang tính chất hợp đồng đại lý, khi bên thứ ba thực hiện việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ, chiết khấu giảm giá, khoản doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển sang doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ. Nếu hợp đồng mang tính chất đại lý, chỉ phần chênh lệch giữa khoản doanh thu chưa thực hiện và số tiền phải trả cho bên thứ ba mới được ghi nhận là doanh thu. Số tiền thanh toán cho bên thứ ba được coi như việc thanh toán khoản nợ phải trả.

Ngoại tệ

Tập đoàn áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ hoạt động không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tập đoàn nhằm mục đích giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tập đoàn một cách toàn diện.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	11.384.767.575	14.223.001.722
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	57.466.264.260	53.751.242.027
Các khoản tương đương tiền (*)	177.846.186.532	328.152.267.866
	<u><u>246.697.218.367</u></u>	<u><u>396.126.511.615</u></u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, các khoản tương đương tiền có giá trị 6.793.127.451 đồng đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản bảo lãnh dự thầu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: không).

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn đáo hạn ban đầu trên 3 tháng đến 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng có giá trị 220.605.100.000 đồng đã được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 21) và các khoản bảo lãnh dự thầu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 105.000.000.000 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ***Đầu tư vào Công ty liên kết**

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hào	4.067.561.583	4.523.885.342

Biến động đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ này và năm trước như sau:

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu kỳ/năm	4.523.885.342	5.434.273.514
Chia lỗ	(456.323.759)	(910.388.172)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>4.067.561.583</u>	<u>4.523.885.342</u>

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Dược và Vật tư Y tế Bình Dương	4.286.800.000	4.286.800.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trà Vinh	2.575.315.200	2.575.315.200
Công ty Cổ phần Dược và Vật tư Y tế Ninh Thuận	796.675.000	796.675.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tây Ninh	221.960.000	221.960.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	27.420.000	27.420.000
	<u>27.908.170.200</u>	<u>27.908.170.200</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác do cổ phiếu chưa có giá tham chiếu trên thị trường, ngoại trừ Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long do cổ phiếu của đơn vị này đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2008. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 tương ứng là 59.472.000 đồng và 63.000.000 đồng.

Số dư dự phòng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện dự phòng cho khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng chỉ bao gồm phải thu ngắn hạn từ các bên thứ ba và không có các khoản phải thu chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chiết khấu thương mại trả trước	447.210.553	2.027.703.466
Dự thu lãi tiền gửi	13.924.333.776	6.691.565.280
Phải thu người lao động	2.474.847.379	1.576.597.439
Phải thu khác	10.697.268.009	12.927.988.292
	<u>27.543.659.717</u>	<u>23.223.854.477</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ***8. NỢ XẤU**

	30/6/2016			31/12/2015		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị của các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	161.263.196.393	(12.256.047.257)	149.007.149.136	263.197.852.081	(10.987.369.519)	252.210.482.562

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, không có khoản phải thu chiếm từ 10% trở lên trên tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

Biến động về dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ này và năm trước như sau:

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 VND
	Số dư đầu kỳ/năm	10.987.369.519
Trích lập dự phòng	1.358.323.432	4.722.120.351
Xóa sổ	-	(1.298.566.283)
Hoàn nhập	(89.645.694)	(141.630.201)
Số dư cuối kỳ/năm	12.256.047.257	10.987.369.519

9. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	62.541.350.710	-	62.830.863.204	-
Nguyên liệu, vật liệu	189.611.196.407	-	189.692.016.502	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	42.070.422.109	-	20.039.649.051	-
Thành phẩm	314.617.338.434	1.768.498.304	272.482.704.120	3.006.691.934
Hàng hoá	81.233.343.076	869.868	97.286.695.284	4.680.250
	690.073.650.736	1.769.368.172	642.331.928.161	3.011.372.184

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ này và năm trước như sau:

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 VND
	Số dư đầu kỳ/năm	3.011.372.184
Trích lập dự phòng	56.303.016	77.701.136
Hoàn nhập dự phòng	(1.298.307.028)	(2.485.758.820)
Số dư cuối kỳ/năm	1.769.368.172	3.011.372.184

Dự phòng hàng tồn kho được trích lập do giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	3.072.350.425	341.400.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.212.517.960	3.627.055.036
	6.284.868.385	3.968.455.036
b. Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	11.232.364.694	18.179.059.222
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.894.867.022	8.771.307.312
Nâng cấp tài sản đi thuê	126.750.798	174.666.020
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.544.177.961	1.187.289.863
	18.798.160.475	28.312.322.417

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại ngày	Phát sinh trong kỳ		Tại ngày
	01/01/2016	Số phải nộp	Số đã thực nộp	30/6/2016
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	329.203.560	329.203.560
- Thuế GTGT đầu ra	-	-	329.203.560	329.203.560
Thuế nhập khẩu	561.274.411	7.468.500.158	7.659.361.663	752.135.916
Thuế thu nhập doanh nghiệp	661.402.094	486.497.538	29.472.162	204.376.718
Các loại thuế khác	151.620.738	92.088.092	1.160.243.739	1.219.776.385
Thuế thu nhập cá nhân	151.620.738	92.088.092	1.160.243.739	1.219.776.385
	1.374.297.243	8.047.085.788	9.178.281.124	2.505.492.579
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	6.294.283.103	49.909.284.081	53.753.760.091	2.449.807.093
- Thuế GTGT đầu ra	6.294.283.103	28.948.909.560	32.793.385.570	2.449.807.093
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	20.960.374.521	20.960.374.521	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.090.580.730	35.165.121.400	26.826.008.331	13.429.693.799
Tiền thuê đất	-	5.592.954.764	1.441.692.361	4.151.262.403
Các loại thuế khác	1.958.642.324	16.749.770.030	17.804.813.591	903.598.763
Thuế thu nhập cá nhân	1.958.153.290	16.662.360.424	17.716.914.951	903.598.763
Thuế khác	489.034	87.409.606	87.898.640	-
	13.343.506.157	107.417.130.275	99.826.274.374	20.934.362.058

12. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

Đây là khoản cho khách hàng vay không lãi suất theo chính sách hỗ trợ vốn có hoàn lại của Tập đoàn.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2016	476.774.270.225	520.156.224.966	175.646.609.476	79.534.490.495	1.252.111.595.162
Tăng trong kỳ	69.627.500	7.946.645.719	-	-	8.016.273.219
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	7.483.885.959	11.176.622.057	3.019.354.545	215.970.000	21.895.832.561
Thanh lý, nhượng bán	(3.718.973.551)	(189.158.563)	(848.795.665)	(710.100.455)	(5.467.028.234)
Tại ngày 30/6/2016	<u>480.608.810.133</u>	<u>539.090.334.179</u>	<u>177.817.168.356</u>	<u>79.040.360.040</u>	<u>1.276.556.672.708</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2016	101.691.317.297	196.822.251.509	88.065.099.713	54.176.588.067	440.755.256.586
Khấu hao trong kỳ	14.107.144.089	22.349.144.204	9.269.390.043	3.726.692.877	49.452.371.213
Thanh lý, nhượng bán	(3.099.170.438)	(189.158.563)	(848.795.665)	(671.621.100)	(4.808.745.766)
Tại ngày 30/6/2016	<u>112.699.290.948</u>	<u>218.982.237.150</u>	<u>96.485.694.091</u>	<u>57.231.659.844</u>	<u>485.398.882.033</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2016	<u>367.909.519.185</u>	<u>320.108.097.029</u>	<u>81.331.474.265</u>	<u>21.808.700.196</u>	<u>791.157.790.675</u>
Tại ngày 31/12/2015	<u>375.082.952.928</u>	<u>323.333.973.457</u>	<u>87.581.509.763</u>	<u>25.357.902.428</u>	<u>811.356.338.576</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 164.798 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 124.814 triệu đồng).

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất vô thời hạn VND	Quyền sử dụng đất có thời hạn VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2016	113.669.150.046	151.617.120.387	8.683.502.805	273.969.773.238
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.800.000.000	-	4.405.435.000	6.205.435.000
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	6.773.444.684	-	6.773.444.684
Thanh lý, nhượng bán	(2.436.000.000)	-	-	(2.436.000.000)
Tại ngày 30/6/2016	<u>113.033.150.046</u>	<u>158.390.565.071</u>	<u>13.088.937.805</u>	<u>284.512.652.922</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2016	-	12.096.109.754	5.455.861.513	17.551.971.267
Khấu hao trong kỳ	-	1.651.676.970	772.951.456	2.424.628.426
Tại ngày 30/6/2016	-	<u>13.747.786.724</u>	<u>6.228.812.969</u>	<u>19.976.599.693</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2016	<u>113.033.150.046</u>	<u>144.642.778.347</u>	<u>6.860.124.836</u>	<u>264.536.053.229</u>
Tại ngày 31/12/2015	<u>113.669.150.046</u>	<u>139.521.010.633</u>	<u>3.227.641.292</u>	<u>256.417.801.971</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.917 triệu đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ***15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Xây dựng nhà máy Tân Phú Thạnh	6.244.200.000	7.266.927.272
Xưởng sản xuất thuốc sủi bọt	4.054.610.000	3.061.360.000
Xây dựng văn phòng chi nhánh Đà Nẵng	3.032.409.114	27.580.000
Cải tạo dây chuyền	2.570.726.870	-
Xây dựng kho nguyên liệu	2.315.307.019	-
Xây dựng văn phòng chi nhánh Hồ Chí Minh	1.553.664.706	14.461.818
Nhà văn phòng và công trình phụ	1.511.519.679	1.124.316.220
Xây dựng văn phòng chi nhánh Gia Lai	623.948.774	623.948.774
Xây dựng kho thành phẩm	208.314.663	3.031.610.782
ở Tổng kho Cách Mạng Tháng 8		
Cải tạo phòng ban	58.669.956	-
Xây dựng văn phòng chi nhánh Thái Nguyên	11.818.182	-
Xây dựng văn phòng chi nhánh Hải Phòng	-	90.909.091
Khác	584.869.515	481.437.059
	<u><u>22.770.058.478</u></u>	<u><u>15.722.551.016</u></u>

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ của các khoản dự phòng và các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty và các công ty con trong Tập đoàn khi thực hiện hợp nhất báo cáo.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, không có khoản nợ phải trả nào quá hạn chưa thanh toán.

Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên tổng số phải trả:

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Dược phẩm Trường Tín	40.575.317.287	38.175.021.388
Công ty TNHH Mega Lifescience (Việt Nam)	13.944.788.306	42.854.138.507
Nomura Trading Co., Ltd.	56.161.643.000	18.155.970.000
	<u><u>110.681.748.593</u></u>	<u><u>99.185.130.905</u></u>

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí tiếp thị và chăm sóc khách hàng	58.213.034.035	3.196.827.384
Chi phí hội thảo	7.254.950.000	827.636.363
Lãi vay phải trả	655.542.140	452.141.998
Chi phí phải trả khác	14.170.235.160	17.207.325.387
	<u><u>80.293.761.335</u></u>	<u><u>21.683.931.132</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn thể hiện doanh thu chưa thực hiện từ chương trình khách hàng truyền thống (Thuyết minh số 3).

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Chiết khấu thương mại	285.785.946	3.144.620.676
Các khoản bảo hiểm phải trả	1.669.286.215	1.102.968.970
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.293.384.932	11.052.872.667
	<u>12.248.457.093</u>	<u>15.300.462.313</u>

21. VAY NGẮN HẠN

	Tại ngày 01/01/2016 VND		Tại ngày 30/6/2016 VND	
	Tăng VND	Giảm VND		
Vay ngân hàng (*)	247.000.000.000	628.000.000.000	515.000.000.000	360.000.000.000
Vay người lao động (**)	23.711.206.737	5.486.276.089	2.685.776.712	26.511.706.114
	<u>270.711.206.737</u>	<u>633.486.276.089</u>	<u>517.685.776.712</u>	<u>386.511.706.114</u>

(*) Thể hiện khoản vay tín dụng từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ với hạn mức tối đa là 400.000.000.000 đồng. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam và hết hiệu lực vào ngày 04 tháng 3 năm 2017. Thời hạn cho từng lần rút vốn là từ 3 tháng tới 4 tháng. Các khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, như trình bày tại Thuyết minh số 5, và chịu lãi suất từ 0,37%/tháng đến 0,38%/tháng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 0,29%/tháng đến 0,62%/tháng).

(**) Các khoản vay từ người lao động của Công ty không có đảm bảo và chịu lãi suất từ 0,42%/tháng đến 0,57%/tháng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 0,42%/tháng đến 0,57%/tháng).

22. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ này hình thành từ việc trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty. Quỹ khen thưởng và phúc lợi của các Công ty con hình thành từ việc trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Hội đồng Quản trị của Công ty. Quỹ này được sử dụng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và thưởng cho Hội đồng Quản trị theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Quỹ khen thưởng phúc lợi nhân viên VND	Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị VND	Quỹ phúc lợi hình thành TSCĐ VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2016	49.431.767.334	6.353.384.139	34.978.468.180	90.763.619.653
Trích quỹ trong kỳ	62.205.301.754	8.471.392.714	-	70.676.694.468
Khấu hao tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi	-	-	(2.190.138.390)	(2.190.138.390)
Sử dụng quỹ	(26.036.926.817)	(3.230.407.000)	-	(29.267.333.817)
Tại ngày 30/6/2016	<u>85.600.142.271</u>	<u>11.594.369.853</u>	<u>32.788.329.790</u>	<u>129.982.841.914</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ***23. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG DÀI HẠN**

	Dự phòng cho các khoản chi phí thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng VND	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2016	5.053.947.698	26.270.001.050	31.323.948.748
Trích lập dự phòng bổ sung	764.273.407	408.761.300	1.173.034.707
Sử dụng dự phòng đã trích lập	-	(1.151.162.650)	(1.151.162.650)
Tại ngày 30/6/2016	5.818.221.105	25.527.599.700	31.345.820.805

24. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Theo Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 09 tháng 02 năm 2011, các đơn vị được phép lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ để sử dụng cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển. Quỹ được sử dụng khi các hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện và tiền được trả.

Biến động của quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong kỳ như sau:

	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ VND	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2016	6.519.245.955	24.487.150.092	31.006.396.047
Sử dụng quỹ	(718.643.318)	-	(718.643.318)
Tài sản hình thành từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	(1.658.107.727)	1.658.107.727	-
Khấu hao tài sản hình thành từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	(2.216.650.107)	(2.216.650.107)
Thanh lý tài sản hình thành từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	(38.479.355)	(38.479.355)
Tại ngày 30/6/2016	4.142.494.910	23.890.128.357	28.032.623.267



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG

288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2015	871.643.300.000	(455.850.000)	67.063.774.920	782.076.482.219	556.467.354.916	2.276.795.062.055
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	588.701.003.222	588.701.003.222
Mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ	-	(15.665.180.000)	-	-	-	(15.665.180.000)
Chia cổ tức của năm 2014	-	-	-	-	(261.462.600.000)	(261.462.600.000)
Trích quỹ thưởng Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(7.031.826.014)	(7.031.826.014)
Phân bổ quỹ đầu tư và phát triển	-	-	-	190.338.928.439	(190.338.928.439)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(80.423.657.994)	(80.423.657.994)
Chuyển từ quỹ dự phòng tài chính	-	-	(67.063.774.920)	67.063.774.920	-	-
Tại ngày 31/12/2015	871.643.300.000	(16.121.030.000)	-	1.039.479.185.578	605.911.345.691	2.500.912.801.269
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	306.053.444.635	306.053.444.635
Chia cổ tức của năm 2015	-	-	-	-	(304.296.825.000)	(304.296.825.000)
Trích quỹ thưởng Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(7.930.858.929)	(7.930.858.929)
Phân bổ quỹ đầu tư và phát triển	-	-	-	181.082.523.189	(181.082.523.189)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(61.607.669.990)	(61.607.669.990)
Tại ngày 30/6/2016	871.643.300.000	(16.121.030.000)	-	1.220.561.708.767	357.046.913.218	2.433.130.891.985

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ***Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 871.643.300.000 đồng. Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

	30/6/2016		31/12/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt đã phát hành	87.164.330	871.643.300.000	87.164.330	871.643.300.000
Cổ phiếu quỹ	(222.380)	(16.121.030.000)	(222.380)	(16.121.030.000)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	86.941.950	855.522.270.000	86.941.950	855.522.270.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 001/2016/NQ-ĐHĐCĐ thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án chia cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế của năm 2015 ở mức 35%, tương ứng với số tiền là 304.296.825.000 đồng.

26. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	20.323.225.971	16.830.408.891
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông thiểu số	1.109.214.387	3.984.211.763
Cổ tức đã chia	(1.225.000.000)	(318.500.000)
Trích quỹ thưởng Hội đồng Quản trị	(540.533.785)	(98.000.000)
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	(597.631.764)	(74.894.683)
Số dư cuối kỳ/năm	19.069.274.809	20.323.225.971

27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	30/6/2016	31/12/2015
Đô la Mỹ (USD)	106.685	246.134
Euro (EUR)	97.793	82.222
Pataca Macau (MOP)	20	20

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG

288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
 Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

28. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo chính yếu, bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Tập đoàn.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Khi trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, doanh thu bộ phận dựa vào lĩnh vực kinh doanh là dược phẩm, thực phẩm chức năng và lĩnh vực kinh doanh khác.

	<u>Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày</u>	
	<u>30/6/2016</u>	<u>30/6/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu thuần		
Dược phẩm	1.289.887.389.107	1.106.956.154.134
Thực phẩm chức năng	232.225.544.437	101.407.514.619
Khác	169.022.751.294	259.557.106.575
	<u>1.691.135.684.838</u>	<u>1.467.920.775.328</u>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
Dược phẩm	(684.688.622.523)	(566.018.790.677)
Thực phẩm chức năng	(120.361.361.000)	(54.926.989.267)
Khác	(130.065.766.500)	(231.800.084.304)
	<u>(935.115.750.023)</u>	<u>(852.745.864.248)</u>
Lợi nhuận gộp		
Dược phẩm	605.198.766.584	540.937.363.457
Thực phẩm chức năng	111.864.183.437	46.480.525.352
Khác	38.956.984.794	27.757.022.271
	<u>756.019.934.815</u>	<u>615.174.911.080</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ***29. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu từ hàng hóa	308.665.269.018	299.357.733.979
Doanh thu từ thành phẩm	1.522.582.244.245	1.326.658.077.560
Doanh thu dịch vụ	8.669.709.930	13.619.423.156
	1.839.917.223.193	1.639.635.234.695
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	139.924.955.925	157.680.593.742
Hàng bán trả lại	8.856.582.430	14.033.865.625
	148.781.538.355	171.714.459.367
Doanh thu thuần		
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán thành phẩm	1.381.986.672.693	1.163.774.055.034
Doanh thu bán hàng hóa	300.479.302.215	290.527.297.138
Doanh thu dịch vụ	8.669.709.930	13.619.423.156
	1.691.135.684.838	1.467.920.775.328

30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	286.216.795.010	273.324.093.400
Giá vốn bán thành phẩm	643.398.119.181	569.817.418.342
Giá vốn dịch vụ	6.699.178.120	9.994.854.091
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.198.342.288)	(390.501.585)
	935.115.750.023	852.745.864.248

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	778.381.654.986	687.353.572.927
Chi phí nhân công	343.200.819.774	240.017.452.124
Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.461.162.526	42.510.574.973
Chi phí dịch vụ mua ngoài	162.129.456.646	138.454.158.595
Chi phí khác	44.414.575.443	40.366.689.663
	1.372.587.669.375	1.148.702.448.282

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ***32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	25.497.237.100	12.624.704.078
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.646.690.560	664.420.126
Cổ tức, lợi nhuận được chia	155.588.420	231.788.895
Doanh thu hoạt động tài chính khác	252.032.316	9.404.921
	27.551.548.396	13.530.318.020

33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.598.598.698	3.856.327.259
Chiết khấu thanh toán	31.329.628.511	30.902.018.642
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.215.617.801	2.706.336.252
Chi phí tài chính khác	59.263.668	43.747.130
	39.203.108.678	37.508.429.283

34. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí quảng cáo	106.696.775.590	53.302.453.770
Chi phí nhân viên	112.767.474.804	77.148.193.225
Chi phí hội thảo giới thiệu sản phẩm	4.877.002.689	21.556.281.479
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.997.308.045	7.031.720.066
Chi phí vận chuyển	8.061.582.160	9.624.784.543
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.611.392.857	4.836.016.555
Chi phí chăm sóc khách hàng	946.342.465	1.460.251.004
Chi phí dụng cụ đồ dùng	3.419.309.125	1.658.638.057
Các chi phí khác	37.511.595.420	23.585.371.109
	287.888.783.155	200.203.709.808
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	102.315.632.476	79.788.135.247
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.200.279.902	9.500.879.488
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.398.342.268	7.060.287.387
Chi phí dự phòng cho việc thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng	764.273.407	-
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1.667.426.759	2.264.751.451
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	1.268.677.738	2.366.858.121
Thuế, phí và lệ phí	462.272.283	381.107.509
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	264.378.439	520.655.485
Các chi phí khác	10.343.243.230	14.427.272.736
	130.684.526.502	116.309.947.424

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ***35. THU NHẬP KHÁC**

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Thu nhập từ hoa hồng bán hàng	14.984.252.929	19.174.781.740
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	4.641.006.262	370.629.431
Các khoản thu nhập khác	5.513.145.837	23.660.583.620
	25.138.405.028	43.205.994.791

36. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Giá trị hàng tồn kho bị thất thoát	8.295.694.967	-
Các khoản chi phí khác	3.631.256.183	2.665.460.302
	11.926.951.150	2.665.460.302

37. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	338.550.194.995	315.223.677.074
Thuế tính ở thuế suất phổ thông 20% (2015:22%)	67.710.038.999	69.349.208.956
Điều chỉnh cho:		
Thu nhập không chịu thuế	(31.120.711)	(106.597.541)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.101.579.151	87.193.324
Dự phòng thiếu các năm trước	3.235.225	65.788.042
Ưu đãi thuế	(39.255.500.881)	(14.334.858.349)
Các điều chỉnh báo cáo hợp nhất	859.304.190	(1.539.036.810)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sau điều chỉnh	31.387.535.973	53.521.697.622

Ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
	30/06/2016	30/06/2015
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	35.651.618.938	53.278.898.096
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(4.264.082.965)	242.799.526
	31.387.535.973	53.521.697.622

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Thuế suất áp dụng

Theo Thông tư 78/2014/TT-BTC, từ ngày 01 tháng 01 năm 2014, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phổ thông là 22% và kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 giảm xuống còn 20%.

Ngoại trừ Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG 1, Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG và Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu, công ty con còn lại trong Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% (năm 2015: 22%) tính trên thu nhập tính thuế.

Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG 1 ("In Bao bì DHG 1")

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ*

Theo Giấy phép đầu tư, In Bao bì DHG 1 có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 10% trên thu nhập tính thuế từ năm 2014 đến năm 2028. Các điều khoản trong Giấy phép đầu tư của In Bao bì DHG 1 cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2014 đến năm 2017 và giảm 50% thuế thu nhập từ năm 2018 đến năm 2026.

Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG (“Dược phẩm DHG”)

Theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 64204100005 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Tỉnh Hậu Giang, Dược phẩm DHG được hưởng mức thuế suất TNDN 10% trong 15 năm kể từ năm bắt đầu đi vào hoạt động. Dược phẩm DHG được miễn thuế TNDN 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Dược phẩm DHG đã đăng ký thời điểm bắt đầu tính miễn thuế, giảm thuế từ kỳ tính thuế năm 2015.

Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu (“Dược Sông Hậu”)

Theo Giấy phép Đầu tư, Dược Sông Hậu có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN 20% trên thu nhập tính thuế từ 2008 đến năm 2017. Các điều khoản trong Giấy phép đầu tư của Dược Sông Hậu cho phép Công ty miễn thuế thu nhập từ năm 2008 đến năm 2009 và giảm 50% thuế thu nhập từ năm 2010 đến năm 2015.

Tất cả các miễn giảm thuế trên không áp dụng cho các khoản thu nhập khác. Các khoản thu nhập khác chịu mức thuế suất phổ thông là 20% cho năm 2016 (2015: 22%).

38. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty (đồng)	306.053.444.635	260.654.164.145
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(30.605.344.464)	(26.065.416.415)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	275.448.100.171	234.588.747.731
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	86.941.950	87.154.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	3.168	2.692

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế năm 2015 cho quỹ khen thưởng, phúc lợi là 10%.

b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tập đoàn không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ***39. CÁC KHOẢN CAM KẾT****a. Cam kết thuê hoạt động**

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	2.740.996.679	927.075.488

Tại ngày lập Bảng cân đối kế toán, Tập đoàn có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.740.996.679	1.854.150.976
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	21.927.973.432	7.416.603.904
Sau năm năm	125.360.854.237	43.338.191.348
	150.029.824.348	52.608.946.228

b. Cam kết vốn:

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định tại ngày lập bảng cân đối kế toán như sau:

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký hợp đồng	39.130.301.624	51.906.098.511
Đã được duyệt và ký hợp đồng nhưng chưa thực hiện	29.005.772.540	35.194.222.984
	68.136.074.164	87.100.321.495

40. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Cổ đông lớn nhất của Công ty là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước ("SCIC") sở hữu 43,31% vốn cổ phần của Công ty. SCIC được kiểm soát bởi Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam.

Trong kỳ, Tập đoàn đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Dịch vụ nhận được		
Công ty Cổ phần Tào Vĩnh Hào	717.050.000	30.800.000
Chia cổ tức		
SCIC	132.127.887.500	113.252.475.000
Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các khoản thu nhập khác	6.084.280.428	7.596.790.861

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ***41. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****a. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:**

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Phân bổ các quỹ từ Lợi nhuận	250.621.052.107	259.705.007.431
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang sang tài sản cố định hữu hình	21.895.832.561	20.785.003.270
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang sang tài sản cố định vô hình	6.205.435.000	7.962.045.680
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang sang công cụ, dụng cụ	1.395.000	238.377.438
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang sang chi phí trả trước dài hạn	-	208.165.454
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn sang tài sản cố định vô hình	6.773.444.684	69.336.881.636
Chuyển từ quỹ dự phòng tài chính sang quỹ đầu tư phát triển	-	67.063.114.920

b. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Vay theo kế ước thông thường	633.486.276.089	837.965.645.140

c. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Vay theo kế ước thông thường	517.685.776.712	748.603.724.370



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ***42. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 016/2016/QĐ.HĐQT ngày 04 tháng 7 năm 2016, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua phương án bán 222.380 cổ phiếu quỹ với giá dự kiến không thấp hơn 94.500 đồng/cổ phiếu. Thời gian dự kiến giao dịch được Hội đồng Quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty chọn nhưng không quá 6 tháng kể từ ngày được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Vào ngày 20 tháng 01 năm 2016, Công ty đã ký một hợp đồng hợp tác liên doanh với hai đối tác nước ngoài về việc góp vốn thành lập công ty liên doanh về lĩnh vực chăm sóc sức khỏe tại Việt Nam với tổng vốn đầu tư dự kiến là 2.000.000 đô la Mỹ và tổng vốn điều lệ là 1.200.000 đô la Mỹ. Tỷ lệ góp vốn của Công ty sẽ là 51% tương ứng với 612.000 đô la Mỹ và hai đối tác nước ngoài sẽ là 49% tương ứng với 588.000 đô la Mỹ. Ngày 27 tháng 7 năm 2016, công ty liên doanh - Công ty TNHH Fuji Medic đã được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801472944 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chưa thực hiện góp vốn vào công ty liên doanh này.

43. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo	Số sau phân loại lại	Thay đổi thuần
	VND	VND	VND
Thu nhập khác	52.947.556.270	43.205.994.791	(9.741.561.479)
Chi phí khác	<u>12.407.021.781</u>	<u>2.665.460.302</u>	<u>(9.741.561.479)</u>



Trần Ngọc Hiền
Người lập biểu



Hồ Bửu Huân
Phụ trách kế toán



Lê Chánh Đạo
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2016

